

CÁO TRẠNG VỀ NỖI KHỔ CỦA NGƯỜI DÂN THUỘC ĐỊA NAM KỲ VÀ NAM TRUNG KỲ QUA *ĐÔNG DƯƠNG CHÍNH TRỊ LUẬN*

Nguyễn Lục Gia¹- Nguyễn Hà Châu Khanh²

Dẫn nhập

Đông Dương chính trị luận (Bàn về chính trị ở Đông Dương) là tác phẩm chính trị hoàn chỉnh của nhà Cách mạng Dân tộc chủ nghĩa Phan Châu Trinh⁽¹⁾ vào đầu thế kỷ XX. Tác phẩm có sự bổ khuyết đáng kể đối với hai trước tác nhan đề *Trung Kỳ điền thổ thuế ngạch hà trọng thủy mạt chi tình hình* (Tình hình đầu đuôi về sự hà khắc của ngạch thuế ruộng đất ở Trung Kỳ) và *Trung Kỳ Dân biến thử mạt ký* (Hồi ký phong trào Dân biến ở Trung Kỳ), trong đó nội dung đề cập đến bốn loại tệ hại bao quát của thực trạng xã hội Đông Dương, gồm tệ dùng người, tệ trong các cục - các ngành, tệ của tô thuế và tệ của sưu dịch.

Nhân 90 năm (1926-2016) sau ngày mất của Phan Châu Trinh, chúng tôi cập nhật một số sử liệu hiếm hoi về xứ Nam Kỳ và miền Nam Trung Kỳ, trích thuật từ *Đông Dương chính trị luận*.

Xứ Nam Kỳ

Tệ trong các cục, các ngành bao gồm sáu loại: tệ của cục Thương chính, tệ của Lục lộ, tệ của Canh nông, tệ của cục Cảnh sát, tệ của lính khố xanh và quan Pháp, tệ của quan Y tế chủng đậu.

Xứ Nam Kỳ được đề cập trực tiếp với bốn loại tệ là Thương chính, Canh nông, cục Cảnh sát, lính khố xanh và quan Pháp.

1. Về tệ Thương chính, tức tệ của việc hành chính về thương mại hoặc của Sở Thương mại/Sở Quan thuế, ngoài sự dùng không đúng người hay bắt ép dân mua rượu (tửu chính), Phan Châu Trinh còn tố cáo việc kiểm soát, bắt bớ tùy tiện, gây thương tích hoặc bắn chết người vô lý. Tác giả cho biết: “Cách đây mấy năm, người của cục Thương chính hạt Gia Định giữa ban ngày tự tiện đột nhập vào trong nhà người ta tự tiện kiểm soát, hương chức trong xã nghe có việc bèn đến hỏi, thì bị người Pháp bắn chết một người, bắn bị thương một người. Sự việc trình lên tòa án, quan thẩm phán chỉ mời người Pháp đến hỏi qua loa rồi cho về. Nhà báo người Pháp ở Đông Dương, George đã tranh biện người Pháp ở Đông Dương, tỏ ra có ít nhiều công tâm, đã bắt bình nổi giận. Quan cai trị người Pháp không biết làm sao được mới

¹ Tiến sĩ, Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Phú Hòa - Phú Yên. ĐT: 0973433617.
Email: vanjack.nguyen@gmail.com.

² Cử nhân, Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Phú Hòa - Phú Yên.

chịu cấp tiền tuất mấy trăm đồng cho hai người, để mong cho qua việc. Nhưng cũng may sự việc ấy đã xảy ra ở bốn hạt Gia Định, nhiều người tai mắt đều nghe thấy, không thể giấu diếm cho được cho nên mới chịu bỏ ra ít tiền tuất; nếu như ở một địa hạt xa xôi nào, hoặc ở các tỉnh của hai xứ Trung Kỳ, Bắc Kỳ thì chẳng có ai đoái hoài vậy. Cùng những sự việc như vậy, mà xem xét với con mắt công bình của người ở nước Đại Pháp thì đều thấy mọi điều là trái với công lý; nhưng với con mắt của quan Pháp ở Đông Dương thấy thế thì chỉ nhìn nhau cười, vì họ cho rằng người nước Nam mọi rợ như trâu ngựa, ta tùy ý đâm chém. Loại tệ hại còn quá hơn là các ty sở nhân rồi không việc”⁽²⁾. Rõ ràng, với trình độ dân trí cao hơn và nhờ vào sự phẫn nộ của công luận, chính quyền thực dân trên đất Nam Kỳ buộc phải thực thi công lý đối với người dân bản xứ, dù chỉ dừng lại ở mức độ sơ thiểu.

2. Ở lĩnh vực Canh nông, tình tệ những nhiều, lừa đảo, bức hiếp nông dân xảy ra khá phổ biến. Sự việc được tác giả minh chứng như sau: “Ruộng đất ở Nam Kỳ rất thiếu công trình thủy lợi, hàng năm vụ hè phải gieo giống lúa cạn, thường thất thu, nông dân rất khổ, nay thấy người Pháp công bằng trừ liệu như thế [Phàm ruộng đồng hàng năm tùy theo vụ cày cấy cần lượng nước bao nhiêu đều do cục Thủy xa cai thầu dẫn nước vào ruộng, nếu quá vụ mà không có nước đến nổi mất hoa lợi, đều do cục này bồi thường, còn như chủ ruộng hàng năm nhận cần trả cho cục này mỗi mẫu bao nhiêu tiền, nếu không thì một vụ mai một thu hoạch được bao nhiêu hoa lợi, chia ra lấy một phần ba hoặc một phần tư nộp cho cục này...], ai mà không vui lòng nghe theo. Họ tranh nhau góp cổ phần, ký khoán ước, chẳng lẽ nào lời khoán ước của người Pháp đều là lời nói suông sao? Trong ba, bốn tháng lượng nước chảy về không đủ năm mươi mẫu, ruộng đất còn lại phải ngồi chờ nước mãi chẳng có gì, tất cả đều như cũ, lúc ấy lại quá thời vụ, không thể cày cấy được, liền đến cục chất vấn, người Pháp tìm lời nói quanh co, không chịu bồi thường. Chủ ruộng không biết làm thế nào, năm tới chỉ biết dựa vào tập quán cày cấy cũ. Đến vụ thu hoạch, người Pháp lại đến nơi chia phần, có kẻ đã cưỡng bức chia hai phần ba hoa lợi. Sự việc được kiện lên tòa án, tòa phán rằng: chi phí của cục cai thầu đã quá nhiều, theo lý thì phải chia hoa lợi, và bác bỏ đơn. Người Pháp cưỡng ép chia một nửa hoa lợi rồi mang đi. Người Nam góp cổ phần chẳng biết đòi ở đâu, chỉ biết kêu khổ mà thôi”⁽³⁾. Trong trường hợp này, lợi dụng sự yếu thế của dân cày, các cai thầu và quan Pháp không những gây ra nạn thất thu mùa màng mà còn ngang ngược cưỡng bức chiếm đoạt thành quả lao động của họ.

3. Cục Cảnh sát gây ra hậu quả chết người đối với dân Nam Kỳ trong nhiều sự vụ, tuy nhiên tòa đã không xử thành án, như trường hợp xảy ra cùng lúc với xứ Bắc Kỳ như sau: “Mấy năm trước đây, ở thành phố Hà Nội, cảnh binh Pháp đánh chết hai người, án này do quan Pháp xét, chưa kịp phán

xét thì có cái án người của cục Thương chính giết người vô tội ở hạt Gia Định, họ bèn tha bổng luôn”⁽⁴⁾. Chắc chắn tòa án Bắc Kỳ đã lấy việc ở Nam Kỳ làm thông lệ cho sự bất chấp luật pháp của mình. Hoặc như trường hợp cục Cảnh sát công nhiên đánh tráo tội trạng rằng: “Lại năm ngoái, ở Chợ Lớn Nam Kỳ có một người Nam bị can tội vì có người phát giác có dính đến việc quyền tiền lập hội, cảnh binh bắt đánh đập thành thương rồi đưa vào bệnh viện, hôm sau thì chết, lại đổ do bệnh mà chết. Việc đánh người độc hại đến chết ấy, người Nam và người Pháp ai mà không biết”⁽⁵⁾.

Trong các bối cảnh cùng loại cụ thể khác, cục Cảnh sát phối hợp với cục Thương chính hoành hành, lặn lưng tiền hàng của hành khách. Tác giả vạch trần thủ đoạn tráo trở này qua một mô tả: “Những bến thuyền vận tải ở Đông Dương, trên bờ đều có cục Thương chính và cục Cảnh sát, thuyền buôn ghé đậu, cảnh binh đứng chờ hành khách lên bờ, thì giục đi đến cục trình giấy tờ thông hành, hoặc biên lai thuế thân, còn đồ hành lý thì lại bị người cục Thương chính đưa đi kiểm soát, người và của tách ra hai nơi, khó trông coi được, nhiều sách đủ điều, chỉ có tiền hối lộ mới được, không có tiền thì sau khi kiểm soát xong, hàng hóa mang theo đều không cánh mà bay! Hai cục gặp nhau, hợp ý nhau thật quá rõ. Dân quê biết làm sao được, chỉ biết cúi đầu chịu nhẫn nhục. Ở Sài Gòn và Hải Phòng tệ hại này ghê gớm nhất”⁽⁶⁾.

4. Tệ của lính khổ xanh ở Nam Kỳ tương đối dễ chịu hơn trong điều kiện đối sánh với nghịch cảnh Trung Kỳ hay Bắc Kỳ, rằng “Xét ở các hạt Nam Kỳ, cũng có lính tập khổ xanh, do người Nam coi giữ thường xuyên, họ đóng ở tỉnh mà không làm nên sự việc gì, mà còn bắt dân phải cung ứng, chỉ dùng bồi bếp cho quan tham biện bốn hạt và chỉ dùng xe tàu. Khi trong dân xã, có vụ ẩu đả, hoặc bắt được trộm cướp thì số lính này chỉ việc áp giải và canh giữ bọn tù mà thôi. So với bọn lính Giản ngày xưa của nước Nam thì cũng gần giống nhau. Dù là phí tổn vô ích, nhưng ít nhiều hại dân chúng hơn. Ở Trung Kỳ đã có lính tập khổ xanh, mà ngạch lính Giản ở tỉnh cũng chưa bỏ hết, chức quản lãnh đều là hư vị, ngồi không ăn hại thậm tệ. Hoặc lấy chức quan võ mà đi làm đường, việc quan đã không ra gì, họa hại lại sinh ra nhiều, nhiều quan Pháp coi giữ lính tập thì cho là không xứng chức. Vì vậy mà nhân dân các tỉnh Trung Kỳ càng không kham nổi tệ hại quan võ của hai nước vậy”⁽⁷⁾.

Thực ra, xứ Nam Kỳ đã là đất thuộc Pháp chính thức, do vậy ngạch lính Giản không còn tồn tại, tổn phí và tệ hại theo đó cũng cắt giảm đi.

Ngoài tệ trong các cục, các ngành kể trên, Phan Châu Trinh còn kê ra các tệ của tô thuế, trong đó có tình trạng tăng ruộng kéo theo tăng thuế, chính sách tiền tệ, giá bạc, lệ cho vay, lượng tiền bạc giảm... Nhìn chung, mức độ các tình tệ này có chiều hướng giảm ở Nam Kỳ so với Trung Kỳ,

Bắc Kỳ cùng các xứ khác thuộc Liên bang Đông Dương. Chẳng hạn, khi nói về tình hình tăng thuế: “Hiện nay, ở Trung Kỳ ruộng hàng năm so với Nam Kỳ (mỗi mẫu một vạn thước tây, hàng năm chỉ nộp một đồng năm hào) đã gấp những năm, sáu lần”; hay nói về điều kiện và giá cả lúc thu thuế: “Ruộng ở Nam Kỳ đã rộng, trồng lúa lại tương đối nhiều, hệ thống thủy nông chạy dọc, chạy ngang, vận tải dễ dàng, thuyền buôn tấp nập, dễ giao lưu, giá gạo rất dễ nâng cao, gặt năm mất mùa họ cùng nhau bỏ đi, giá gạo cũng dễ giữ mức bình thường. Ruộng ở Trung Kỳ ít, đường sá đi lại khó khăn, lúa làm ra hàng năm, chẳng qua đủ để mua bán trong dân gian... giá lúa thường hạ, lúc được mùa lại càng thấp...”, hoặc là: “Xét các xã Nam Kỳ, Bắc Kỳ, lúc thúc tô, có cách thưởng tiền hoa hồng, đã là một việc nghe lại tai xưa nay, nhưng còn có hạn độ. So sánh với Trung Kỳ, quan Pháp để mặc lạm thu của dân xã, nơi nơi đều tăng tệ hại, chẳng phải tài làm chính trị của quan Pháp ở Trung Kỳ không bằng quan Pháp ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ chăng!”⁽⁸⁾.

Sở dĩ có mức thuế tăng cao và tình cảnh những lạm chòng chất đối với người dân Trung Kỳ như vậy là do cùng lúc họ phải gánh chịu sự áp bức của hai chế độ thống trị hiện hành: phong kiến và thực dân. Xứ Trung Kỳ, trong đó có miền Nam Trung Kỳ trở thành nạn nhân bất khả kháng của tình trạng bất công đầy phần uất ấy.

Miền Nam Trung Kỳ

Liên quan trực tiếp đến miền Nam Trung Kỳ, *Đông Dương chính trị luận* có đề cập bốn loại tệ dưới đây.

1. Bàn về tệ Thương chính, Phan Châu Trinh nêu lên trường hợp sở này tùy tiện bắt giam người vô tội, nghĩa là bắt giam người chẳng liên quan gì đến việc Thương chính. Tác giả cho biết sự vụ xảy ra tại thương cảng Vũng Lắm thuộc tỉnh Phú Yên mà bản thân ông là nạn nhân: “Lại chuyện người của cục Thương chính Trung Kỳ tự đặt ra nhà tạm giam. Hễ người nước Nam nào làm điều gì họ không vừa ý thì bị tống vào nhà giam. Mấy năm trước đây, Trinh tôi có đi qua cảng Vịnh Lắm [Vũng Lắm], huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên đã mua vé đò, khi sắp xuống đò đi Phan Rang, nhân vì chuyện người đi theo tôi đã không cất nón chào khi gặp người của cục Thương chính, nên đã bị người Pháp trời đánh bắt vào nhà giam, Trinh tôi cũng bị bắt giam tranh biện mất hai giờ đồng hồ, mới cho phép lên tỉnh xét hỏi, sau mới được thả; thế là vé đò đã quá hạn hơn mười ngày rồi. Tôi thấy sự tàn bạo quá đổi kinh ngạc, bèn hỏi người địa phương, thì họ đều nói rằng: ‘Người Pháp hết sức ngang ngược, mỗi tối bắt dân xã đưa họ đi dạo chơi ở bờ biển, người trong làng xã đi qua trước mặt họ, nếu không cúi đầu cất nón chào thì lập tức bị giam và đánh đập, không ai không sợ họ’. Từ đó mà xét

thì người nước Nam ngu hèn thật là đáng thương hại, nhưng sự tàn bạo của người Thương chính há không phải khả ô sao? Những sự việc như vậy nhiều vô kể trong toàn cõi Đông Dương. Tôi là người ngoài cuộc chỉ đi qua có một lần, vốn là không liên can gì với Thương chính, và dám tranh biện với họ, mà còn liên lụy đến như vậy; huống chi đến những người nước Nam hèn yếu không hiểu biết, thuyền bè hàng hóa qua lại sự việc thiết yếu như huyết mạch, hàng ngày giao thiệp với Thương chính, thì hẳn phải ở trong cảnh ‘cá thối nằm trên thớt’ rồi”⁽⁹⁾.

2. Tệ Canh nông diễn ra với nhiều thể thức, trong đó có sự vu oan giá họa và mộ phu lừa đảo của các nhà kinh doanh thuộc địa. Bình Định và Khánh Hòa là hai trong số các địa phương bị những lạm tệ này.

Ở Bình Định, có chuyện rằng: “Lại có người Pháp ở một xã nào đó tại phủ Bồng Sơn tỉnh Bình Định, có vườn cau hơn mười mẫu tây, với hơn mấy nghìn gốc, kinh doanh mấy năm, thu được ít hoa lợi, sau bỏ nó mà đi, vườn cau không có người chăm sóc, quả thường bị người ta lấy trộm, người Pháp đó thuê người đi bắt kẻ lấy trộm, bắt được sẽ trọng thưởng tiền bạc. Sau đó bắt được ba bốn đứa trẻ trộm quả cau, tuổi độ mười lăm, mười sáu trở xuống, giải lên quan phủ tra hỏi; quan phủ vốn rất hà khắc, tham lam, lại dựa thế người Pháp thông đồng với nhau, dọa nạt bắt ép mấy đứa trẻ vu cáo cho mấy nhà giàu có lân cận, thế là gia sản của họ bị niêm phong cả. Sau đó chuyện này kiện lên tỉnh, lúc tòa chưa xét xử, chính là lúc Trinh tôi còn ở tỉnh ấy, có gặp mấy chủ đi kiện, hỏi họ thì họ nói: ‘Đã tốn kém hết mấy nghìn đồng rồi’. Sau nghe người ta nói quan sứ xét miễn tịch thu tài sản cho những nhà này, nhưng phải bỏ ra hơn mấy nghìn đồng bồi thường cho người Pháp do ba bốn năm nay đã mất hoa lợi; quan Pháp xét xử như thế cũng trùng ý với quan nước Nam”⁽¹⁰⁾.

Trong khi đó, “Lại một người Pháp ở Khánh Hòa, bao thầu chuyện làm đường, đi ra Bắc Kỳ thuê mộ nhân công, được hơn năm trăm người; mới đầu nói đến tỉnh Quảng Nam, hàng ngày sẽ có cấp phát đầy đủ tiền công, chỗ ở đều do người Pháp lo liệu cả. Sau chớ đến tỉnh Khánh Hòa, giảm mất một nửa tiền công, mỗi ngày chỉ cấp hai lon sữa bò gạo xấu, và bảy đồng bạc ngang với ba trăm bảy mươi đồng tiền kẽm nước Nam lúc đó, lại không có nhà ở, hơn nữa đây là nơi lam sơn chướng khí, nhân công ốm đau nhiều, không thể làm việc được, mặt khác còn bị đánh đập đến chết, người ta không chịu nổi khổ cực, chạy trốn khắp nơi. Người Pháp đó nhờ quan Công sứ sức cho quan nước Nam đón dọc đường bắt về rồi giải đến giao cho người Pháp. Người Pháp căm giận chông chát nên ngược đãi những người dân chạy trốn này. Người chạy trốn về sau không dám đi theo đường quan, mà đều chạy vào vùng rừng núi dân Man ở, bốn năm ngày không được ăn uống, phần lớn chết đói ở nơi rừng sâu. Ai may mắn sống sót thì chạy đến các tỉnh lân cận,

mới dám xuất đầu lộ diện, quần áo rách nát, phải dùng bao gai cắt ra để che nửa thân dưới, tay chống gậy, toàn thân gẻ lở, cứ ba bốn người thành một tốp, đi vào làng xóm xin ăn, tình trạng đói khổ, tiều tụy, mắt không nở nhìn. Theo lời người dân chạy trốn cho biết, đợt phu dịch này, kẻ chết bệnh, người chạy trốn, người biệt tích, đã quá nửa rồi, người sống sót không đến ba bốn phần mười nữa”⁽¹¹⁾.

Phan Châu Trinh cho biết thảm cảnh và tình tẻ tương tự như thế xảy ra khắp Đông Dương, được Chính quyền thuộc địa biết đến với tính cách các sự việc nhỏ nhặt, chẳng có án tích rõ ràng nên không thể tiến hành xét xử. Rõ ràng giới thực dân xem rẻ sinh mạng người bản xứ, chỉ sánh ngang hạng hàng hóa tầm thường, lời ăn lỗ bỏ, chẳng đáng quan tâm.

3. Tẻ của lính khố xanh khiến dân tình càng thêm khốn quẫn. Lính khố xanh đặt dưới sự chỉ huy của sĩ quan Pháp chốt đóng các địa phương, có nhiệm vụ trấn dẹp trộm cướp, bảo đảm an ninh trật tự để người dân yên tâm sinh hoạt làm ăn. Tuy nhiên, hầu như trách nhiệm nặng nề này được giao ngược lại cho dân chúng; trong trường hợp lính Khố xanh thực thi nhiệm vụ, người dân càng bị quấy nhiễu nghiệt ngã hơn. Tác giả mô tả tình tẻ này ở một vùng cao thuộc tỉnh Bình Định thông qua câu chuyện tại huyện miền núi Quảng Nam như sau: “... ở vùng núi Trà Mi phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam, những kẻ dân Mọi ác nghiệp, thường cướp của giết người, rồi vớt xác đổ cho lính đồn. Quan Pháp đóng ở đấy, ra lệnh cho quan binh tiến sâu chiếm lấy vùng đất của người Mọi, ở hơn mười ngày, rồi cứ một dặm đường làng xây một đồn để canh giữ nghiêm ngặt, dân phu mấy hạt phải đài tải vận chuyên, công việc rất vất vả, nước độc, đường sá khó khăn, người chết chất đống. Phải mất mấy năm, dân Mọi mới tạm yên. Sau nghe nói quan lính ngược đãi ghê lắm, người Mọi không chịu được lại tụ tập nổi lên thiêu hủy đồn bốt, đâm giết lính tập và quan Pháp sợ bỏ đồn chạy về các xã Quế Sơn, Trà Mi giữ đồn cho đến nay. Lại nghe khi dân Mọi quấy nhiễu, quan lính bó tay không biết làm thế nào, chỉ nghe nói là mỗi tháng bắt dân trong hạt chuyên chở các vật hạng và cấp tiền lên cho chúng, nông dân thất nghiệp, khổ không chịu nổi. Mỗi một tên quan đi qua con đường nào, dân xã phải vội vã ra đón tiếp chiêng trống ầm ĩ. Nghênh đón mà hơi chậm một tý là bị đánh đập tàn nhẫn. Dân các xã gần đồn thiếu thốn, làm không vừa lòng chúng bị đều bắt giam, thậm chí có người làm đơn kiện thay cho nạn nhân thì bị chúng cho là có âm mưu chính trị”⁽¹²⁾. Theo đó, tác giả chỉ trích gay gắt: “Khi Trinh tôi đi du lịch qua tỉnh Bình Định, nghe nói ở xứ An Khê quan lính thâm độc càng ghê gớm hơn, những xứ khác chưa được rõ, nhưng suy ra tôi nghĩ rằng đều như thế cả”⁽¹³⁾.

4. Tiến hành chủng đậu cho trẻ vốn là một việc làm nhân đạo khẩn thiết, song do nhà cầm quyền dùng người bừa bãi nên đã tạo ra nghịch lý.

Tác giả lý giải thông qua nhiều trường hợp bất cập lẫn dối trá rằng: “Dân chúng nước Nam, lúc bệnh đậu lưu hành, dân tình khổ sở, Nhà nước chuẩn y cấp tiền mua thuốc, cho người xuống làng chủng đậu khắp mọi nơi, những cử chỉ đẹp đẽ như thế, ai dám nói không tốt sao? Nhưng họ giao cho nhiều người không tốt, vừa mới đến làng thì bắt kẻ đón người rước, nơi chưa đến thì phải nổi chiêng trống âm ỉ, cũng có nơi họ sức giầy về trước, bắt dân làng tập trung trẻ em, nhi đồng lại để tiện việc đến là chủng ngay. Bà con khăn áo, tã lót, nách cồng trẻ em đi đây đường, đến ngồi nhìn nhau, đợi đến mấy ngày, cuối cùng không thấy ai đến cả! Sau có một người mang thuốc đến chủng, xem ra thì đều là thuốc cũ, chủng vào hoàn toàn không có hiệu quả, cũng có kẻ làm lếu láo tắc trách, đem về một ít thuốc, không tiến hành tiêm chủng, mà bắt ép dân xã ký tên vào và nói là đã chủng được bao nhiêu, mang đi để tiện đối chiếu báo lên quan mà thôi”⁽¹⁴⁾.

Tệ quan liêu của quan Y tế chủng đậu đôi khi đưa đến hậu quả tàn độc, gây thảm kịch đối với trẻ sơ sinh cùng vô số gia đình, nghiêm trọng đặc biệt tại Bình Định. Tác giả cho biết: “Mấy năm trước tại huyện ở tỉnh này, có quan chủng đậu đến huyện, ở lại trong phủ đường, không chịu xuống làng, đặt thời hạn nghiêm ngặt, thúc dân toàn phủ, mang hết trẻ em đến nơi, để tiện cho quan ấy tiêm chủng, trẻ em khăn áo, tã lót đi đường vất vả, mà lệnh quan thì oai nghiêm, ai dám chống lại, bà con đành phải thuê thuyền đi theo đường thủy, dọc đường thuyền lại gặp sóng to gió cả, người lớn và trẻ em chết hơn một trăm người. Tiếng kêu oan khóc thảm thiết, xa gần nghe thấy, ai nấy đều kinh hãi!”⁽¹⁵⁾.

Lời kết

Trên đây là những tệ những lạm của các cục, các ngành được Phan Châu Trinh trình bày trong *Đông Dương chính trị luận*. Những tệ tình mà ông chỉ ra thực sự là bản cáo trạng đanh thép về nỗi khổ của người dân thuộc địa xứ Nam Kỳ và miền Nam Trung Kỳ nói riêng, các xứ trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp nói chung.

Nguyên do của tất cả những tệ hại nhìn chung, theo ông chủ yếu từ sự dùng người mà ra. Ngay từ dòng đầu tiên của tác phẩm, ông đã tổng luận: “Họa phúc của nhân dân gốc ở nền chính trị; mà chính trị tốt hay xấu thì bắt đầu ở chỗ dùng người. Nếu chính trị nhằm làm cho nước lợi dân giàu thì lỗi dùng người sẽ là công; dùng người công chính thì tài trí sẽ được phát huy, mọi việc thực hành được chu tất. Nếu chính trị nhằm vào tư lợi cá nhân, thì lỗi dùng người ắt là tư; dùng người đã thiên tư thì hối lộ nảy sinh, kỷ cương rối loạn. Tăng thêm một viên quan là đem lại mối hại của một viên quan... Thường phạt đã thiên vị thì không thể nào làm trong sạch đám viên chức

được. Đã không bàn đến việc trừ mối hại dân của nền tề chính thì những lời hay ý đẹp chỉ là những cạm bẫy sâu hiểm mà thôi”⁽¹⁶⁾.

Rõ ràng, luận lý sắc bén nảy sinh từ cuộc đời dấn thân với những trải nghiệm nhiệt thành và nghiêm túc của Phan Châu Trinh đúng trong mọi mẫu hình xã hội, cho dù bối cảnh của *Đông Dương chính trị luận* đã lùi xa vào dĩ vãng và nhà cách mạng tiên phong của miền Đông Pháp đã già từ đồng bào của mình cách nay non chẵn thế kỷ. Huỳnh Thúc Kháng, người đồng chí lớn nhất và gần gũi nhất của ông, hoàn thành tác phẩm *Phan Tây Hồ Tiên sinh Lịch sử* cách sau khoảng ba tháng kể từ ngày ông mất, nhận định: “Nhu Tiên sinh, không những là một người chí sĩ yêu nước mà thôi, mà thật là một nhà chính trị cách mạng đầu tiên nước Việt Nam ta vậy”⁽¹⁷⁾. *Đông Dương chính trị luận* góp phần xứng đáng tạo nên tầm vóc tư tưởng lỗi lạc của nhà cách mạng theo khuynh hướng Dân chủ Phan Châu Trinh.

Phú Yên, cuối tháng 6.2016

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Viết Phan Châu Trinh mà không phải là Phan Chu Trinh, bởi theo GS. Huỳnh Lý, tên riêng này được chính người mang tên, con cháu và người đồng hương ký, viết, đọc và in (cũng như Phan Châu Dật, Phan Thị Châu Lan) vào thời chữ quốc ngữ đã được mặc nhiên thừa nhận là chữ của Nhà nước.

Xem chú thích trong Lời giới thiệu sách: GS. Chương Thâu (chủ biên) (2005), *Phan Châu Trinh toàn tập*, Tập I, Nxb. Đà Nẵng, tr. 46.

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16) GS. Chương Thâu (chủ biên) (2005), *Phan Châu Trinh toàn tập*, Tập II, Nxb. Đà Nẵng, tr. 275, 279, 280, 288, 288-289, 292, 294, 295-296, 298, 300, 301, 307, 308, 317-318.

⁽¹⁷⁾ Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng (1959), *Phan Tây Hồ Tiên sinh Lịch sử*, Anh Minh xuất bản, Huế, tr. 33.

Phan Châu Trinh mất ngày 24.3.1926. Lời tựa cho tác phẩm của Huỳnh Thúc Kháng đề lúc tháng 6.1926.

Nguyễn Lục Gia – Nguyễn Hà Châu Khanh
Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Phú Hòa - Phú Yên
ĐT: 0973433617

Email: vanjack.nguyen@gmail.com